TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **01**/2024/QĐST-DS	*Lâm Hà, ngày 08 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 193/2023/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung các thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông **Phạm Thế X**, sinh năm: 1976; bà **Nguyễn Bích H** sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. (Bà Nguyễn Bích H ủy quyền cho ông Phạm Thế X theo văn bản ủy quyền lập ngày 20-10-2023).

+ *Bị đơn*: Vợ chồng anh **Nguyễn Cao K**, sinh năm: 1983; chị **Lê Thị Ánh T**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. (Chị Lê Thị Ánh T ủy quyền cho anh Nguyễn Cao K theo văn bản ủy quyền lập ngày 26-12-2023).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng anh Nguyễn Cao K, chị Lê Thị Ánh T có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phạm Thế X, bà Nguyễn Bích H số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); tiền lãi suất là 89.333.000 đồng. Tổng cộng là: 1.089.333.000 đồng *(một tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Cao K, chị Lê Thị Ánh T phải chịu số tiền là 22.339.995 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên do vợ chồng anh Nguyễn Cao K, chị Lê Thị Ánh T thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và có đơn xin miễn, giảm tiền án phí được chính quyền địa phương xác nhận nên miễn cho vợ chồng anh Nguyễn Cao K, chị Lê Thị Ánh T ½ tiền án phí. Số tiền án phí vợ chồng anh Nguyễn Cao K, chị Lê Thị Ánh T còn phải chịu là 11.169.997 đồng (*Mười một triệu, một trăm sáu mươi chín ngàn, chín trăm chín bảy đồng).*

Hoàn trả cho vợ chồng ông Phạm Thế X, bà Nguyễn Bích H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.175.000 đồng *(hai mươi ba triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000147 ngày 11-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Hoàng Văn Bình